

Số: 333/QĐ-SGTVT

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008**

**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 02/8/2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội; Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông Vận tải thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là Hệ thống quản lý chất lượng) vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 13/5/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Mô hình quản lý chất lượng ISO 9001:2008 cho các loại hình cơ quan hành chính nhà nước tại Hà Nội;

Xét đề nghị của Thường trực Ban chỉ đạo áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

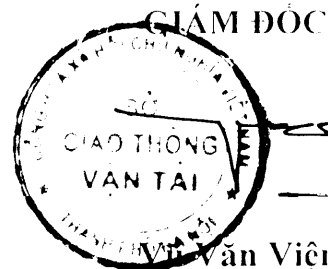
**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở GTVT phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Ban chỉ đạo áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008, Lãnh đạo, cán bộ, công chức, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở có trách nhiệm thường xuyên triển khai áp dụng, duy trì và đề xuất cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo phạm vi đã công bố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định đã ban hành trước đây. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- UBND Thành phố (đề b/c);
- Sở KH&CN;
- Lưu: VT, VP.



**PHỤ LỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI**  
**ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 133./QĐ-SGTVT ngày 05 tháng 10 năm 2017)*

STT	Các lĩnh vực xây dựng, áp dụng và công bố
<b>Theo yêu cầu tiêu chuẩn</b>	
1.	Chính sách chất lượng
2.	Mục tiêu chất lượng
3.	Sô tay chất lượng
4.	Kiểm soát tài liệu
5.	Kiểm soát hồ sơ
6.	Đánh giá nội bộ
7.	Kiểm soát sự không phù hợp
8.	Thực hiện hành động khắc phục
9.	Thực hiện hành động phòng ngừa
<b>Lĩnh vực tiếp nhận và xử lý hồ sơ tại bộ phận Một cửa</b>	
1.	Tiếp nhận hồ sơ
2.	Chuyển hồ sơ cho bộ phận thụ lý
3.	Nhận kết quả từ bộ phận thụ lý
4.	Tra kết quả giải quyết thủ tục hành chính
5.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng Quản lý Vận tải và Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông
<b>Lĩnh vực Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông</b>	
1.	Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ và địa phương đang khai thác.
2.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ và địa phương đang khai thác.
3.	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.
4.	Cấp giấy phép lưu hành các loại xe tải đi vào phạm vi hạn chế hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội, xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, xe bánh xích trên đường bộ.
5.	Cấp phép sử dụng tạm thời lạng đường (phố) để dừng, đỗ xe ô tô.

STT	Các lĩnh vực xây dựng, áp dụng và công bố
6.	Cho ý kiến dự án xây dựng công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (trừ công trình đảm bảo an ninh, quốc phòng).
7.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông, công bố hạn chế giao thông đối với thi công công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (trừ công trình đảm bảo an ninh, quốc phòng).
8.	Công bố hạn chế giao thông trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (trừ trường hợp bao đảm an ninh, quốc phòng).
9.	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa địa phương hết tuổi thọ thiết kế.
10.	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
11.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
12.	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
13.	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa hoặc bến khách ngang sông.
14.	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa hoặc bến khách ngang sông
15.	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa hoặc bến khách ngang sông.
16.	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng pha một lượt chờ hành khách và ô tô.
17.	Cho ý kiến dự án xây dựng công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương (trừ công trình đảm bảo an ninh, quốc phòng).
<b>Lĩnh vực Quản lý Vận tải</b>	
1.	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia
2.	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia
3.	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam
4.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia
5.	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
6.	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
7.	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia
8.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia
9.	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào
10.	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào

STT	Các lĩnh vực xây dựng, áp dụng và công bố
11.	Gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
12.	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
13.	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
14.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác
15.	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác
16.	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác
17.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
18.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép
19.	Cấp phù hiệu xe nội bộ
20.	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ
21.	Cấp phù hiệu xe trung chuyên
22.	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyên
23.	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe dầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt
24.	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe dầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt
25.	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
26.	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
27.	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
28.	Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS
29.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
30.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
31.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
32.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
33.	Xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng
34.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
35.	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý
36.	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng
37.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến
38.	Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện Trung Quốc
39.	Đăng ký khai thác tuyến
40.	Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định

STT	<b>Các lĩnh vực xây dựng, áp dụng và công bố</b>
41.	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông
42.	Cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thủy
43.	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam
44.	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu cao tốc đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam
45.	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyên
46.	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh
47.	Cấp biên hiệu phương tiện thủy vận chuyên hành khách du lịch
48.	Cấp lại biên hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch trong trường hợp biên hiệu hết hiệu lực
49.	Cấp lại biên hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch trong trường hợp biên hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được
50.	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng
51.	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cai tạo
<b>Lĩnh vực Quản lý Phương tiện và Người lái</b>	
1.	Giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực phòng Quản lý phương tiện và người lái (áp dụng cho 18 TTHC lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng và 01 quy trình nội bộ)
2.	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải
3.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
4.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
5.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
6.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
7.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
8.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
9.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
10.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
11.	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
12.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ trong phạm vi địa phương
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ trong phạm vi địa phương

STT	<p style="text-align: center;"><b>Các lĩnh vực xây dựng, áp dụng và công bố</b></p>
14.	<p>Cấp, cấp lại, chuyên đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải</p>
<p><b>Lĩnh vực Kế hoạch Tài chính</b></p>	
1.	<p>Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh</p>
<p><b>Lĩnh vực Quản lý Chất lượng công trình giao thông</b></p>	
1.	<p>Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình giao thông/thiết kế, dự toán xây dựng công trình giao thông điều chỉnh điều chỉnh: Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình giao thông điều chỉnh (áp dụng cho 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng)</p>